

Số: 79/QĐ-HĐQT

Vinh, ngày 18 tháng 5 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v ban hành định mức, đơn giá áp dụng nội bộ Công ty trong khai hoang,  
xây dựng vườn cây trồng mới cao su**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CAO SU NGHỆ AN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp; Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp; Luật Lao động;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động và Quy chế quản lý của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển cao su Nghệ An;
- Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ Thông tư 06/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình;
- Căn cứ Quyết định số 276/HĐTVCSVN ngày 4/11/2009 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc ban hành quy trình kỹ thuật khai hoang trồng cao su; Quyết định số 476/HĐTVCSVN ngày 14/12/2011 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc ban hành quy trình khai hoang xây dựng vườn cây trên đất dốc;
- Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-HĐTVCSVN ngày 21/4/2016 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc điều chỉnh kế hoạch nông nghiệp năm 2016 cho các Công ty cao su thành viên Tập đoàn;
- Xét đề nghị của Tổng giám đốc Công ty tại Tờ trình số 256/TTr-RBN ngày 16/5/2016 về việc đề nghị phê duyệt định mức, đơn giá áp dụng nội bộ trong công tác khai hoang và xây dựng vườn cây trồng mới cao su năm 2016 của Công ty,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Định mức, đơn giá nội bộ Công ty trong khai hoang, xây dựng vườn cây trồng mới cao su (*Có bảng chi tiết đính kèm*).

Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT và sẽ được điều chỉnh khi Nhà nước có sự thay đổi về: Đơn giá tiền lương; giá xăng, dầu trên thị trường biến động tăng hoặc giảm trên 10%.

**Điều 2.** Giao đồng chí Tổng giám đốc công bố rộng rãi Quyết định này đến người lao động, các cá nhân, tổ chức ký kết hợp đồng khai hoang với Công ty và công khai trên Website của Công ty, đồng thời triển khai tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và quy chế quản lý của Công ty.

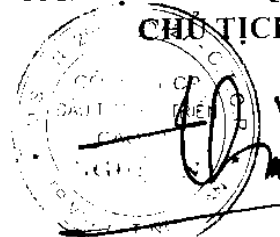
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực áp dụng đối với khối lượng công việc thực hiện kể từ ngày 01/05/2016.

**Điều 4.** Các Ông Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng, Ban Công ty và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- Lưu VT, VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Trung Thái**

**Biên 1: ĐỊNH MỨC, ĐƠN GIÁ KHAI HOANG 01 HA BẰNG THỦ CÔNG**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 79/QĐ-HDQT ngày 18 tháng 5 năm 2016)

| TT         | Hạng mục                           | Định mức<br>(m2/công) | Khối lượng<br>(công) | Thành tiền (đồng) |
|------------|------------------------------------|-----------------------|----------------------|-------------------|
| <b>I</b>   | <b>KHAI HOANG RỪNG LOẠI 3</b>      |                       | <b>35,77</b>         | <b>4.670.702</b>  |
| 1          | Phát dọn thực bì toàn bộ diện tích | 526                   | 19,00                | 2.481.337         |
| 2          | Gom, dọn, đốt thực bì              | 2.982                 | 3,35                 | 437.833           |
| 3          | Cưa hạ cây, cắt khúc $\leq 2,5m$   | 1.118                 | 8,94                 | 1.167.688         |
| 4          | Đào gốc rễ trên hàng               | 4.473                 | 2,24                 | 291.922           |
| 5          | San lấp, vệ sinh mặt bằng          | 4.473                 | 2,24                 | 291.922           |
| <b>II</b>  | <b>KHAI HOANG RỪNG LOẠI 4</b>      |                       | <b>38,01</b>         | <b>4.962.624</b>  |
| 1          | Phát dọn thực bì toàn bộ diện tích | 497                   | 20,12                | 2.627.298         |
| 2          | Gom, dọn, đốt thực bì              | 2.982                 | 3,35                 | 437.833           |
| 3          | Cưa hạ cây, cắt khúc $\leq 2,5m$   | 994                   | 10,06                | 1.313.649         |
| 4          | Đào gốc rễ trên hàng               | 4.473                 | 2,24                 | 291.922           |
| 5          | San lấp, vệ sinh mặt bằng          | 4.473                 | 2,24                 | 291.922           |
| <b>III</b> | <b>KHAI HOANG RỪNG LOẠI 5</b>      |                       | <b>41,36</b>         | <b>5.400.407</b>  |
| 1          | Phát dọn thực bì toàn bộ diện tích | 497                   | 20,12                | 2.627.298         |
| 2          | Gom, dọn, đốt thực bì              | 2.982                 | 3,35                 | 437.833           |
| 3          | Cưa hạ cây, cắt khúc $\leq 2,5m$   | 895                   | 11,18                | 1.459.610         |
| 4          | Đào gốc rễ trên hàng               | 2.982                 | 3,35                 | 437.833           |
| 5          | San lấp, vệ sinh mặt bằng          | 2.982                 | 3,35                 | 437.833           |
| <b>IV</b>  | <b>KHAI HOANG RỪNG LOẠI 6</b>      |                       | <b>43,60</b>         | <b>5.692.379</b>  |
| 1          | Phát dọn thực bì toàn bộ diện tích | 497                   | 20,12                | 2.627.298         |
| 2          | Gom, dọn, đốt thực bì              | 2.982                 | 3,35                 | 437.833           |
| 3          | Cưa hạ cây, cắt khúc $\leq 2,5m$   | 813                   | 12,30                | 1.605.571         |
| 4          | Đào gốc rễ trên hàng               | 2.236                 | 4,47                 | 583.844           |
| 5          | San lấp, vệ sinh mặt bằng          | 2.982                 | 3,35                 | 437.833           |

Ghi chú: - Đơn giá nhân công là 130.565 đồng/công.

*tg*

Biểu 2: **ĐỊNH MỨC ĐƠN GIÁ KHAI HOANG 01 HA BẢNG CƠ GIỚI CÓ THỦ CÔNG HỖ TRỢ**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 79/QĐ-HĐQT ngày 18 tháng 5 năm 2016)



| TT       | Hàng mục                                                     | Định mức       |                           | Khối lượng  |              | Đơn giá<br>(đồng) | Thành tiền<br>(đồng) |
|----------|--------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------|-------------|--------------|-------------------|----------------------|
|          |                                                              | Máy<br>(ca/ha) | TC<br>(m <sup>2</sup> /c) | Máy<br>(ca) | TC<br>(công) |                   |                      |
| <b>1</b> | <b>KHAI HOANG RỪNG LOẠI 3</b>                                |                |                           |             |              |                   | <b>8.718.260</b>     |
| 1.1      | Ủi đổ cây bật gốc rễ, có hỗ trợ bằng thủ công                |                |                           |             |              |                   |                      |
| -        | Nhân công (3,0/7)                                            |                | 2.236                     |             | 4,5          | 130.565           | 583.844              |
| -        | Máy ủi 140 CV                                                | 1,75           |                           | 1,75        |              | 2.267.359         | 3.961.200            |
| 1.2      | Xô đổ cây bật gốc rễ, đào gốc cây đưa ra bờ lô               |                |                           |             |              |                   | 0                    |
| -        | Máy đào 1 gầu, bánh xích, dung tích gầu = 1,2 m <sup>3</sup> | 0,60           |                           | 0,60        |              | 2.847.622         | 1.712.650            |
| 1.3      | Gom dọn đốt, san lấp mặt bằng có hỗ trợ bằng thủ công        |                |                           |             |              |                   | 0                    |
| -        | Nhân công (3,0/7)                                            |                | 4.473                     |             | 2,2          | 130.565           | 291.922              |
| -        | Máy ủi 110 CV                                                | 0,95           |                           | 0,95        |              | 1.663.807         | 1.584.800            |
| 1.4      | Gom rễ cây                                                   |                |                           |             |              |                   | 0                    |
| -        | Nhân công (3,0/7)                                            |                | 2.236                     |             | 4,5          | 130.565           | 583.844              |
| <b>2</b> | <b>KHAI HOANG RỪNG LOẠI 4</b>                                |                |                           |             |              |                   | <b>9.861.513</b>     |
| 2.1      | Ủi đổ cây bật gốc rễ, có hỗ trợ bằng thủ công                |                |                           |             |              |                   |                      |
| -        | Nhân công (3,0/7)                                            |                | 1.789                     |             | 5,6          | 130.565           | 729.805              |
| -        | Máy ủi 180 CV                                                | 1,40           |                           | 1,40        |              | 2.715.029         | 3.796.200            |
| 2.2      | Xô đổ cây bật gốc rễ, đào gốc cây đưa ra bờ lô               |                |                           |             |              |                   | 0                    |
| -        | Máy đào 1 gầu, bánh xích, dung tích gầu = 1,2 m <sup>3</sup> | 0,72           |                           | 0,72        |              | 2.847.622         | 2.055.180            |
| 2.3      | Gom dọn đốt, san lấp mặt bằng có hỗ trợ bằng thủ công        |                |                           |             |              |                   | 0                    |
| -        | Nhân công (3,0/7)                                            |                | 2.982                     |             | 3,4          | 130.565           | 437.883              |
| -        | Máy ủi 140 CV                                                | 0,93           |                           | 0,93        |              | 2.267.359         | 2.112.640            |
| 2.4      | Gom rễ cây                                                   |                |                           |             |              |                   | 0                    |
| -        | Nhân công (3,0/7)                                            |                | 1.789                     |             | 5,6          | 130.565           | 729.805              |
| <b>3</b> | <b>KHAI HOANG RỪNG LOẠI 5</b>                                |                |                           |             |              |                   | <b>11.617.750</b>    |
| 3.1      | Ủi đổ cây bật gốc rễ, có hỗ trợ bằng thủ công                |                |                           |             |              |                   |                      |
| -        | Nhân công (3,0/7)                                            |                | 1.118                     |             | 8,9          | 130.565           | 1.167.688            |
| -        | Máy ủi 180 CV                                                | 1,75           |                           | 1,75        |              | 2.715.029         | 4.745.250            |
| 3.2      | Xô đổ cây bật gốc rễ, đào gốc cây đưa ra bờ lô               |                |                           |             |              |                   | 0                    |
| -        | Máy đào 1 gầu, bánh xích, dung tích gầu = 1,2 m <sup>3</sup> | 0,72           |                           | 0,72        |              | 2.847.622         | 2.055.180            |
| 3.3      | Gom dọn đốt, san lấp mặt bằng có hỗ trợ bằng thủ công        |                |                           |             |              |                   | 0                    |
| -        | Nhân công (3,0/7)                                            |                | 2.236                     |             | 4,5          | 130.565           | 583.844              |
| -        | Máy ủi 180 CV                                                | 0,70           |                           | 0,70        |              | 2.715.029         | 1.898.100            |
| 3.4      | Gom rễ cây                                                   |                |                           |             |              |                   | 0                    |
| -        | Nhân công (3,0/7)                                            |                | 1.118                     |             | 8,9          | 130.565           | 1.167.688            |
| <b>4</b> | <b>KHAI HOANG RỪNG LOẠI 6</b>                                |                |                           |             |              |                   | <b>13.491.422</b>    |
| 4.1      | Ủi đổ cây bật gốc rễ, có hỗ trợ bằng thủ công                |                |                           |             |              |                   |                      |
| -        | Nhân công (3,0/7)                                            |                | 1.118                     |             | 8,9          | 130.565           | 1.167.688            |
| -        | Máy ủi 180 CV                                                | 2,33           |                           | 2,33        |              | 2.715.029         | 6.327.000            |

*ky*

| TT  | Hạng mục                                              | Định mức       |              | Khối lượng  |              | Đơn giá<br>(đồng) | Thành tiền<br>(đồng) |
|-----|-------------------------------------------------------|----------------|--------------|-------------|--------------|-------------------|----------------------|
|     |                                                       | Máy<br>(ca/ha) | TC<br>(m2/c) | Máy<br>(ca) | TC<br>(công) |                   |                      |
| 4.2 | Xô dỡ cây bột gốc rễ, đào gốc cây đưa ra bờ lộ        |                |              |             |              |                   | 0                    |
| -   | Máy đào 1 gầu, bánh xích, dung tích gầu = 1,2 m3      | 0,72           |              | 0,72        |              | 2.847.622         | 2.055.180            |
| 4.3 | Gom dọn đất, san lấp mặt bằng có hỗ trợ bằng thủ công |                |              |             |              |                   | 0                    |
| -   | Nhân công (3,0/7)                                     |                | 1.491        |             | 6,7          | 130.565           | 875.766              |
| -   | Máy ủi 180 CV                                         | 0,70           |              | 0,70        |              | 2.715.029         | 1.898.100            |
| 4.4 | Gom rễ cây                                            |                |              |             |              |                   | 0                    |
| -   | Nhân công (3,0/7)                                     |                | 1.118        |             | 8,9          | 130.565           | 1.167.688            |

ky



**Biểu 3: ĐƠN GIÁ ÁP DỤNG CHO CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG VƯỜN CÂY**  
(Bảng kèm theo Quyết định số 79/QĐ-HĐQT ngày 18 tháng 5 năm 2016)

| TT | Hạng mục                        | ĐVT  | Đơn giá (đồng) |
|----|---------------------------------|------|----------------|
| 1  | Đường lộ (Giai đoạn 1 tính 40%) | Km   | 30.886.000     |
| 2  | Cống Ø 80 cm, dài 5m (tính 70%) | Cống | 15.376.200     |
| 3  | Cống Ø 80 cm, dài 7m (tính 70%) | Cống | 19.912.900     |
| 4  | Hào chống thú (tính 70%)        | Km   | 23.958.200     |
| 5  | Hàng rào thép gai (tính 83%)    | Km   | 44.414.960     |

ky